TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 227/2026/QĐST-VLĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 271/2026/TLST-VLĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 208/2026/QĐST-VLĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Đàm Thị Hải L, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ liên lạc: A Khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH K; địa chỉ: Đường B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở D, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Đàm Thị Hải L trình bày:

Bà Đàm Thị Hải L có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà L liên hệ với Bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục bảo hiểm theo quy định thì được D thông báo thời điểm từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007 bà L có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH K và được đóng bảo hiểm xã hội vào thời gian trên. Tuy nhiên,

trên thực tế từ năm 2005 đến tháng 5/2025, bà Đàm Thị Hải L làm việc tại Công ty TNHH G Thông Dụng, vì vậy, vào cùng thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007 bà L được đóng bảo hiểm ở hai công ty. Bà Đàm Thị Hải L xác định không biết ai đã lấy thông tin của mình để đi làm ở Công ty TNHH K. Nhận thấy việc người khác lấy thông tin cá nhân của mình để giao kết hợp đồng với Công ty TNHH K đã làm ảnh hưởng

đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên bà Đàm Thị Hải L đề nghị Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà L (do người khác ký kết) và Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2007 đến tháng 7 năm 2007 là vô hiệu toàn bộ.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở D (viết tắt là B) trình bày:

Qua kiểm tra, đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Đàm Thị Hải L (sinh năm 1984, số CCCD: 002184005031), thì Công ty TNHH K có tham gia BHXH, BHTN cho bà Đàm Thị Hải L theo số sổ BHXH 9107017643. Quá trình tham gia BHXH, BHTN từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007 đã được chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, bà Đàm Thị Hải L còn có mã số BHXH 9105164954, có quá trình tham gia BHXH từ tháng 11/2005 đến tháng 03/2008 và từ tháng 05/2008 đến tháng 07/2008 tại Công ty Cổ phần G1.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Đàm Thị Hải L và Công ty TNHH K: Đề nghị Tòa án Nhân dân căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Về hợp đồng lao động và giấy tờ tùy thân của bà Đàm Thị Hải L, BHXH không lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Đàm Thị Hải L, BHXH không có ý kiến.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Đàm Thị Hải L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đàm Thị Hải L có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà (do người khác thực hiện) với Công ty TNHH K từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007 là vô hiệu, nơi thực hiện hợp đồng lao động tại: Đường B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là việc dân sự yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo quy định tại khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Hợp đồng lao động được ký kết từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007 giữa bà Đàm Thị Hải L (do người khác thực hiện) với Công ty TNHH K được xác lập trước khi Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực pháp luật nên áp dụng các quy định của Bộ luật Lao động năm 1994 và các văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng để giải quyết.

[1.3] Người yêu cầu bà Đàm Thị Hải L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH K vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Sau khi xem xét yêu cầu của bà Đàm Thị Hải L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xét thấy:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007, người lao động tên Đàm Thị Hải L giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K và được Công ty TNHH K tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 9107017643. Tuy nhiên, bà L xác định người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH K và thực tế làm việc tại công ty T khoảng thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007 là người khác lấy giấy tờ của bà để đi làm.

Lời trình bày của bà Đàm Thị Hải L phù hợp với lời khai của Bảo hiểm xã hội cơ sở D và hồ sơ bảo hiểm xã hội cung cấp cho Tòa án.

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà Đàm Thị Hải L phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007, bà Đàm Thị Hải L đang làm việc tại Công ty Cổ phần G1 và được tham gia BHXH, BHTN với mã số 9105164954. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K trong khoảng thời gian tháng 01/2007 đến tháng 07/2007 là người khác, không phải là bà Đàm Thị Hải L.

Theo Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 và khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được xác lập và tiến hành qua thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những Điều đã cam kết*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012 thì: *"Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu."* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp

đồng lao động vô hiệu điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định việc người khác sử dụng hồ sơ cá nhân của bà L để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 9107017643 từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007 là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đàm Thị Hải L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đàm Thị Hải L với Công ty TNHH K theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107017643 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà L và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH K trong giai đoạn từ tháng 01/2007 đến tháng 07/2007 là người khác, không phải là bà Đàm Thị Hải L. Bà L có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 9107017643.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Đàm Thị Hải L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Đàm Thị Hải L.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đàm Thị Hải L với Công ty TNHH K (theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107017643) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107017643 không phải là bà Đàm Thị Hải L, sinh năm 1984, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 002184005031. Bà Đàm Thị Hải L và người khác được quyền liên hệ với D có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 9107017643.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Đàm Thị Hải L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0038410 ngày 17/6/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định/bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 16 - TPHCM;
- Phòng THA DS khu vực 16 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Kim Hạnh